TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 482/2023/HNGĐ-ST Ngày 23/8/2023 V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Tuyến.

2. Ông Phan Văn Tao.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1327/2023/QĐXX-ST ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị T - sinh năm 1987 (Có mặt)

Thường trú: xã Hạ Trung, huyện B, tỉnh H.

Tạm trú: 247 Phạm Hữu Lầu, phường A, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Lã Quý S - sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: 1886/66/16 Huỳnh Tấn Phát, tổ 7, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2023 và biên bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14/8/2023 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn Bà Trương Thị T trình bày:

Bà T và Ông Lã Quý S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình sống chung, Bà T và Ông S thường xuyên xãy ra mâu thuẫn, cải vả nhau vì Ông S sống

không có trách nhiệm, thiếu sự quan tâm, chăm sóc cho con nhỏ đến tháng 5 năm 2023 thì Ông S đánh đập nên Bà T dọn ra ở riêng. Bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lã Quý Sơn.

Về con chung: Bà T Ông S có 1 con chung tên Lã Quỳnh Tr , giới tính: Nữ, sinh ngày 03/11/2016. Bà T vẫn trực tiếp nuôi dưỡng nhưng trong thời gian ngắn qua một lần bé Trang về nhà chơi với cha tại địa chỉ 1886/66/16 Huỳnh Tấn Phát, tổ 7, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Tp.HCM thì Ông Lã Quý S đã giữ con Lã Quỳnh Tr tại nhà Ông S không cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng và cấm đoán Bà T không được chăm sóc, nuôi con.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên Lã Quỳnh Tr , giới tính: Nữ, sinh ngày 03/11/2016 cho Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Ông Lã Quý S trình bày tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14/8/2023 và lời khai tại phiên tòa của bị đơn Ông Lã Quý S như sau:

Ông Lã Quý S và Bà Trương Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn vì Bà T đã có chồng và con ở quê nhưng chưa làm thủ tục ly hôn.

Trong quá trình sống chung đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nên chúng tôi ly thân. Nay Bà T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì Ông S đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung là Lã Quỳnh Tr , giới tính: Nữ, sinh ngày 03/11/2016. Hiện nay cháu Trang đang sống với Ông S có mẹ Ông S đã phụ giúp chăm sóc cháu Trang khi Ông S đi làm. Hiện nay Ông S có công việc ổn định, thu nhập một tháng khoảng 10.000.000 đồng và có nhà đang cho thuê ở quê mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con. Ông S có nguyện vọng xin được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè: Qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn sâu sắc cũng không đăng ký kết theo quy định đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không công nhận quan hệ vợ chồng phù hợp quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung có một con chung chưa trưởng thành Lã Quỳnh Tr , sinh năm: 03/11/2016 đề nghị giao trẻ Tr cho Bà T được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Ông S cấp dưỡng. Về tài sản chung cả hai bên không yêu cầu cho nên không đề nghị không giải quyết phần này cũng như nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Ông Lã Quý S và Bà Trương Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hiện nay, Ông S thực tế có cư trú tại địa chỉ huyện Nhà Bè. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét đơn khởi kiện ngày 30/6/2023 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu của Bà Trương Thị T về việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lã Quý Sơn. Bà T và Ông S đã tự nguyện chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn, thời điểm hai người chung sống với nhau vào năm 2015 đến nay thì Bà T Ông S không đăng ký kết hôn không được nhà nước thừa nhận và bảo vệ họ là vợ chồng căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Trương Thị T với Ông Lã Quý S theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 1 con chung chưa trưởng thành tên Lã Quỳnh Tr , giới tính: Nữ, sinh ngày 03/11/2016. Bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông S cấp dưỡng, cũng như Ông S đề nghị nuôi trẻ Tr , không yêu cầu Bà T cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Tại phiên tòa Ông S trình bày Ông S không trực tiếp nuôi con mà mẹ Ông S đã 85 tuổi đã phụ giúp nuôi trẻ Tr khi Ông S đi làm, cũng như Ông S thừa nhận việc cháu Trang ở với Ông S là do về nhà chơi thì Ông S đã giữ lại đến nay. Ngoài ra Bà T chứng minh được kinh tế để bảo đảm để nuôi dạy tốt, cũng như cháu Trang là nữ về việc chăm sóc dạy bảo trẻ tốt hơn ông Sơn. Do đó, Hội đồng xét xử chập nhận yêu cầu Bà T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lã Quỳnh Tr .

Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu Bà T quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lã Quỳnh Tr , giới tính: Nữ, sinh ngày 03/11/2016. Buộc Ông Lã Quý S giao trẻ Lã Quỳnh Tr cho Bà T thực hiện quyền chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục căn cứ Điều 15, Điều 71 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét Ông S là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lã Quỳnh Tr theo quy định Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Mặc khác, Bà T không yêu cầu cấp dưỡng Bà T tự nuôi lo cho cháu. Do đó Hội đồng xét xử ghi

nhận Bà T không yêu cầu Ông S cấp dưỡng cho trẻ Lã Quỳnh Tr .

Ông S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở Ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm non, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông S Bà T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Nợ chung: Ông Sơn, Bà T xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xét án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nguyên đơn Bà Trương Thị T có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 91, Điều 147, Điều 225, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trương Thị T tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Trương Thị T và ông Lã Quý Sơn.

Về con chung: Có 1 con chung chưa trưởng thành tên Lã Quỳnh Tr , sinh năm: 03/11/2016, giới tính: Nữ. Buộc Ông Lã Quý S giao trẻ Lã Quỳnh Tr cho Bà Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lã Quý S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Ông S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở Ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm non, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T Ông S tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà T Ông S khai không có nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Nguyên đơn Bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0007187 ngày 03/7/2023 của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè
- Chi Cục Thi hành án huyện Nhà Bè
- Đương sự
- Lưu (Hồ sơ, Vp …)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hồng